TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Xuân An
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Kim Liên
Bà Trần Kim Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Biện Tiểu Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Nguyễn Hoàng Phương Q – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Luật TNHH Nguyễn G.

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Bà L vắng mặt; ông S, bà Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình chuẩn bị xét xử, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, quen biết, chị L và anh Trần Văn S kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19-12-2008. Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 22-10-2016 và Trần Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 21-5-2010. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Về sau, giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chủ yếu về vấn đề tình cảm vợ chồng. Hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng không giải

quyết được, ngày càng trầm trọng. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị L không thể tiếp tục chung sống với anh S nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thương lượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Trần Văn S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, về con chung. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm. Hiện vợ chồng đang sống riêng. Tuy nhiên, anh thương các con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn sẽ phát sinh nhiều vấn đề ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm của các con. Do đó, anh S không đồng ý ly hôn với chị L. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh đồng ý giao hai người con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh sẽ hỗ trợ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thương lượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – anh S xác định anh đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý ly hôn với chị L, đồng ý giao hai người con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S, anh S cư trú tại xã M, tỉnh T nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị L.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19-12-2008, nên xác định hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S. Tại phiên tòa, anh S xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên đồng ý ly hôn với chị L. Qua đó, thấy rằng, chị L và anh S đều xác định không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó, có đủ cơ sở xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh S.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S có hai người con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 22-10-2016 và Trần Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 21-5-2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung, anh S đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai người con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S thuận tình ly hôn tại phiên tòa nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi Bộ luật kố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15; khoản 1 Điều 9, Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L về việc "Tranh chấp ly hôn" với anh Trần Văn S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao hai người con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 22-10-2016 và Trần Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 21-5-2010 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn S mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0007501 ngày 10-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh được chuyển sang án phí 150.000 đồng, hoàn lại cho chị L 150.000 đồng.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An